

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2019/HSST
Ngày: 28/08/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM CẨM THỦYTỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Ông Đặng Thái Dìn
2. Ông: Phạm Văn Tàn

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C Thủy, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/HSST, ngày 23/07/2019, theo quyết định đưa ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- HS, ngày 13/08/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Lương Văn B**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 09 tháng 3 năm 1986 tại: Xã Q, huyện L, Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi cư trú: Thôn Q, Xã Quang Tr, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Lương Văn Diện - Sinh năm 1960; Con bà: Quách Thị Ch – Sinh năm 1960; Vợ: Phạm Thị Th - Sinh năm 1991(đã ly hôn)

Con: Lương Công Tuấn V - Sinh năm 2008. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm anh chị em.

Nhân thân: - Ngày 21/07/ 2004 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (*Tại bản án số 09/2004*);

- Ngày 11/02/ 2005 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 18 tháng tù tổng hợp hình phạt của bản án của TAND huyện C là 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Đến nay đã được xóa án tích.

Tiền án:

- Ngày 07/4/2016 bị, Tòa án nhân huyện C xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 07/04/2018, bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không

Bị cáo B hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;

2. Họ tên: **Cao Văn Đ** - Tên gọi khác: không

Sinh ngày 20/10/1993 tại: xã Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Nơi cư trú: Thông Đ, xã Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Cao Văn Mậu, Sinh năm 1968; Con bà: Phạm Thị Tiếp - Sinh năm 1968; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh chị em.

Tiền án: Không; *Tiền sự:* 01(một) tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản cụ thể: Tháng 04/2019 Công an xã Ch, huyện C ra quyết định xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Cao Văn Đ hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh: Lê Văn D – Thôn Th, xã Cẩm T, huyện C

Anh: Bùi Văn V - Thôn Thanh T, xã Cẩm T, huyện C

Bà: Phạm Thị T – Thôn Tr, xã Ch, huyện C.

Đều có mặt tại phiên tòa.

Anh: Phạm Bá Th – Thôn Y, xã Cẩm T, huyện C. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh: Trương Công H – Thôn N, xã Cẩm L, huyện C

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/05/2019, do Thiếu tiền tiêu nên Lương Văn B sinh năm 1986 trú tại thôn Th, Xã Quang Tr, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cùng với Cao Văn Đ sinh năm 1993 trú tại Thông Đ, xã Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Lúc này, Đ vào nhà tự ý lấy 01(một) xe máy nhãn hiệu Kaiser màu xanh BKS: 36L2 – 6243 của gia đình chở B ngồi phía sau cùng nhau đi ra hướng đường Hồ Chí Minh. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn Đ, xã Ch, huyện C thấy nhà chị Nguyễn Thị L sinh năm 1976 trú tại thôn Đ, xã Ch, huyện C không thấy người ở nhà nên B và Đ dừng xe lại, B nói với Đ là: “Vào trộm đồ

đi bán lấy tiền tiêu” nghe vậy Đ đồng ý, B xuống xe và đi bộ vào phía trong nhà chị L còn Đ ở ngoài xe để chờ và canh giới. Khi vào đến sân nhà chị L. B quan sát nhà chính cửa đã khóa, nhà bếp thấy cửa chỉ khép không khóa. B xuống mở cửa đi vào trong bếp, thấy có bình ga, B liền dùng tay để vặn khóa dây ga ra rồi lấy vỏ bình ga (bình đã hết ga) ôm đi ra ngoài chỗ Đ. B đặt chiếc vỏ bình ga lên giá đỡ phía trước của xe máy rồi ngồi phía sau, Đ điều khiển xe chở B đi đến cây xăng dầu thuộc xã Ch, huyện C để bán. Khi đi đến cây xăng dầu xã Ch, huyện C thì B và Đ gặp Bùi Văn V sinh năm 1983 trú tại thôn Th, xã Cẩm T, huyện C là nhân viên bán xăng dầu đồng thời là người trao đổi mua, bán các loại bình ga cũ, mới tại cây xăng. B hỏi anh V là: “*Anh có mua bình ga không*” anh V trả lời là “*Có*”, B xách bình ga vào, anh V nhắc bình ga thấy nhẹ nên ga trong bình đã hết, bình ga được sơn màu xanh có dòng chữ “*Việt Nhật*” màu trắng đúng với loại bình ga mà cơ sở kinh doanh của anh V phân phối ra thị trường nên anh V đã đồng ý mua vỏ bình ga với giá: 150.000đ. Sau khi lấy được tiền, B và Đ lên xe máy đi ra phía đường Hồ Chí Minh, trên đường đi Đ hỏi B: “*Thế trong nhà không có gì giá trị à*” B nói: “*Có mình dê thôi*” Đ nói: “*Thế thì vào trộm dê mang đi bán*” B đồng ý, cùng Đ tiếp tục đi đến nhà chị Nguyễn Thị L để trộm cắp dê. Khi đến nơi B và Đ quan sát không thấy có người. B và Đ dựng xe ở phía ngoài đường và cùng nhau đi bộ vào chuồng dê phía sau nhà cách nhà chính khoảng 05 mét. B và Đ bắt được 01 con dê giống đực màu lông vàng, xung quanh cổ có nhiều lông màu đen (Dê đã có sừng). Sau đó, B nhặt một bao tải ở khu vực chuồng dê rồi cùng với Đ cho con dê vào bao tải khiêng ra xe. B ngồi phía trước điều khiển xe máy còn Đ thì ngồi sau ôm con dê. B điều khiển xe máy đến nhà anh Lê Đình D sinh năm 1973, trú tại thôn Th, xã Cẩm T, huyện C. Khi đến nơi B hỏi anh D là: “*Anh có mua dê không em bán cho*” Anh D hỏi “*Dê gì*” thì B và Đ nói “*Dê đực*” anh D đồng ý mua tiến hành cân dê được 19kg, anh D nói trị giá con dê này là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). B và Đ đồng ý, sau khi lấy tiền cả hai đi ăn tiêu. Đối với anh D sau khi mua được con dê của B và Đ đến chiều ngày 19/05/2019 anh D bán lại cho anh Phạm Bá Th trú tại thôn Y, Cẩm Tâm, Cẩm Thủy với giá là 2.850.000đ;

Sau khi ăn tiêu hết số tiền có được từ việc trộm cắp ngày 19/5/2019 B và Đ lại tiếp tục rủ nhau đến nhà chị Nguyễn Thị L ở thôn Đồng Thanh, xã Ch để tiếp tục trộm cắp dê. Nền khoảng 07 giờ ngày 20/05/2019 B và Đ đi xe máy BKS: 36L2 – 6243, đến cổng nhà chị L rồi dựng xe ở ngoài đường và cùng nhau đi vào chuồng dê bắt được 01 con dê giống đực, màu lông vàng, trên thân có nhiều đốm lông màu đen (Dê chưa có sừng). Sau đó B và Đ lại tiếp tục đem đến nhà Lê Đình D ở tại thôn Th, Cẩm T để bán, B và Đ nói “*Dê cùng đàn của nhà*”, D đồng ý mua rồi tiến hành cân được 17kg và anh D trả tiền cho B và Đ với số tiền là 1.700.000đ. Sau khi lấy tiền cả hai lại tiếp tục cùng nhau ăn tiêu nhân hết. Đến 16 giờ 30 phút ngày 20/5/2019 nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản không thể trốn tránh trước pháp luật cả B và Đ đến cơ quan Công an huyện C để đầu thú.

Theo báo cáo của người bị hại, chị Nguyễn Thị L. Ngày 19 và 20/5/2019 gia đình chị bị mất 02 (Hai) con dê đực và 01 (Một) vỏ bình ga. Tổng trị giá khoảng 6.780.000đ.

Ngày 22/5/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

+ 01(một) vỏ bình ga bằng kim loại hình trụ, màu sơn xanh, trên thân bình ga có chữ “Việt Nhật”. Tại thời điểm bị chiếm đoạt là có giá trị 200.000đ;

+ 01(một) con dê giống đực, màu lông vàng, xung quanh cổ có nhiều lông màu đen, trọng lượng 20kg. Tại thời điểm bị chiếm đoạt là ngày có giá trị 3.000.000đ.

+ 01(một) con dê giống đực màu lông vàng, trên thân có nhiều đốm lông màu đen, có trọng lượng 17kg. Tại thời điểm bị chiếm đoạt là có giá trị 2.550.000đ. Tổng trị giá tài sản B và Đ trộm cắp là 5.750.000đ.

Ngoài ra quá trình điều tra Lương Văn B còn khai nhận thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản vào tháng 01/2019 tại Xã Quang Tr, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 30/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã gửi công văn đề thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Thanh Hóa biết để điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Về vật chứng, xử lý vật chứng trong vụ án gồm: 01 con dê giống đực màu lông vàng, trên thân có nhiều lông màu đen, có trọng lượng 17kg; 01 con dê đực màu lông vàng, xung quanh cổ có nhiều lông màu đen, có trọng lượng 20kg; 01 vỏ bình đựng ga có dòng chữ “Việt Nhật”, (*đã qua sử dụng*). Tất cả các tài sản nêu trên đều đã được trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị L theo Quyết định xử lý vật chứng số: 12/CSĐT ngày 29/5/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện C.

01 xe máy nhãn hiệu Kaiser Wave, màu xanh, biển kiểm soát 36L2 -6243 xe không có yếm đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục THADS huyện C, theo B bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2019.

Về phần dân sự: Anh Phạm Bá Th đề nghị anh Lê Đình D phải bồi thường lại cho anh số tiền mua dê với anh D ngày 19/5/2019 là: 2.850.000đ. Anh D không đề nghị các bị cáo bồi thường. Bà Tiếp mẹ bị cáo Đ, đề nghị trả lại chiếc xe máy.

Tại bản cáo trạng số 25//KSĐT, ngày 22/07/2019 của VKSND huyện C đã truy tố Lương Văn B, Cao Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản. B theo khoản 2, Đ theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo nêu trong bản cáo trạng là đúng người, đúng tội chỉ vì bị cáo mắc nghiện ma túy mà có hành vi trộm cắp tài sản là hai con dê và một chiếc bình đựng ga của nhà chị L ở thôn Đ, xã Ch, huyện C để bán lấy tiền chi tiêu. Các bị cáo đều thấy được hành vi của mình là phạm tội. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án nhẹ nhất.

Người bị hại: Tại phiên tòa có lời khai phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời khai của các bị cáo. Toàn bộ tài sản các bị cáo chiếm đoạt chị đã được Cơ

quan CSĐT trả lại. Nay chị không có đề nghị gì, đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Th, vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị cáo. Anh Th đề nghị anh D phải trả lại số tiền anh Mua dê ngày 19/5/2019 là 2.850.000 đồng. Anh D tại phiên tòa trình bày: Anh làm nghề mua bán trâu bò, dê, chó nên thấy có người lai dê đến hỏi bán, anh có hỏi bảo dê của nhà bán là anh mua, không biết là tài sản các bị cáo trộm cắp mà có, từ nay về sau anh rút kinh nghiệm. Nay anh đề nghị các bị cáo phải trả lại số tiền anh mua 02 con dê của các bị cáo là 3.700.000đ. Anh V đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền anh mua bình ga 150.000.000đ.

Chị Tiếp (Mẹ bị cáo Đ) trình bày: Chiếc xe máy bị cáo Đ dùng làm phương tiện đi trộm cắp là xe chị mua của anh H ở thôn N, xã Cẩm L vào tháng 3/2019. Chị để ở nhà Đ lấy bảo đi chơi, chị không biết Đ lấy xe máy đi trộm cắp tài sản, gia đình chị rất khó khăn, tiết kiệm mãi mới mua được chiếc xe làm phương tiện đi lại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị để có phương tiện đi lại.

Người làm chứng trong vụ án vắng mặt, tại cơ quan điều tra phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị cáo. Anh H có lời khai tại Cơ quan điều tra, vào tháng 3/2019 anh có bán chiếc xe máy nhãn hiệu Kaiser Wave, màu xanh, biển kiểm soát 36L2 - 6243 trị giá 1.500.000đ cho chị Tiếp ở Thôn Trung Đỗ, xã Ch, hai bên không viết giấy tờ mua bán.

Tại phiên tòa, đại diện V kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Qua điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Lương Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Cao Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 48 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 5; khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường: Tài sản đã được trả lại cho người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh D đề nghị các bị cáo phải bồi thường tiền mua 2 con dê. Anh Th đề nghị anh D phải trả lại cho anh số tiền 2.850.000đ, anh V đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền 150.000đ nghĩ phù hợp nên chấp nhận yêu cầu.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Chị Tiếp đề nghị trả lại chiếc xe máy, xét việc bị cáo Đ lấy xe máy đi, chị Tiếp chỉ biết lấy đi chơi, không biết lấy đi trộm cắp tài sản, đây là tài sản có giá trị của gia đình đề nghị trả lại cho chị Tiếp là phù hợp.

Trong phần tranh luận, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện V kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên có một số sai sót: Phần trích lục tiền án, tiền sự đối với bị cáo B, thể hiện bị cáo dân tộc Kinh là không đúng, tại phiên Tòa đã làm rõ bị cáo dân tộc Mường, không thể hiện bị cáo B năm 2005 bị TAND huyện L xét xử và tổng hợp hình phạt 36 tháng tù, ngày 07/4/2016 TAND huyện C tiếp tục xét xử bị cáo lại ghi ngày 31/10/2017 là không đúng, phần nhân thân, tiền sự của bản kết luận điều tra, bản cáo trạng truy tố thể hiện bị cáo B năm 2003 bị TAND huyện C xét xử 18 tháng tù, cho hưởng án treo và năm 2004 Tòa án huyện L xét xử và tổng hợp hình phạt 36 tháng tù không đúng. Bị cáo B ngày 21/07/2004 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 01/02/ 2005 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 18 tháng tù tổng hợp hình phạt của bản án của TAND huyện C là 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Đến nay đã được xóa án tích.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Xét thấy trong quá trình điều tra, đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, xét thấy cần thiết để làm rõ hành vi của các bị cáo sẽ được công bố tại phiên tòa Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo B và Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy là đã đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 19 và ngày 20/5/2019 tại thôn Đồng Thanh, xã Ch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, Lương Văn B và Cao Văn Đ có hành vi lén lút trộm cắp các tài sản cụ thể như sau:

Ngày 19/5/2019 trộm cắp 01vỏ bình ga trị giá 200.000đ và lần 2 trộm cắp 01 con dê, có trọng lượng 20kg, trị giá là: 3.000.000đ; Ngày 20/5/2019 trộm 01con dê có trọng lượng 17kg, trị giá là: 2.550.000đ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là: 5.750.000đ nhằm mục đích lấy tiền để chi tiêu cá nhân.V kiểm sát nhân dân huyện C truy tố xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Các bị cáo đều là thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng lại không chịu khó làm ăn mà ham chơi, đua đòi nghiện hút, khi thấy có sơ hở về tài sản của người khác là nảy sinh hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm hại đến tài sản của người khác mà còn gây cho dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, đặc biệt hiện nay tình trạng trộm cắp tài sản trên địa bàn khu dân cư vẫn còn có xu hướng gia tăng so với các loại tội phạm khác, nên việc xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần phân hóa vai trò và xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng để lên mức hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo sau khi phạm tội đã ra tự thu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn, ăn năn hối cải được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 - BLHS. Các bị cáo đều bị áp dụng một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g Điều 52 – BLHS về phạm tội nhiều lần.

[5] Xét căn cứ, tính chất mức độ, hành vi và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo B đã có 4 lần phạm tội và bị kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tại thời điểm thực hiện tội phạm lần này chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp định khung tăng nặng theo điểm g, khoản 2 Điều 173 – BLHS về tái phạm nguy hiểm, ngoài ra vào tháng 1/2019 bị cáo còn có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện L hiện nay đã khởi tố vụ án. Bị cáo Đ mới bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào tháng 3/2019 lại tiếp tục phạm tội.

Về tính chất trong vụ án: Là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể để thực hiện hành vi, mà hiểu ý nhau để thực hiện tội phạm và sau khi bán tài sản, có tiền các bị cáo cũng chi tiêu chung nên vai trò của hai bị cáo ngang nhau. Vì vậy, xét thấy cần căn cứ vào nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo để lên mức hình phạt và tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người công dân tốt cho xã hội, đối với bị cáo B khoảng 36 tháng tù, bị cáo Đ khoảng 18 tháng tù là thỏa đáng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp nên không có thu nhập. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về hành vi của người có liên quan Trong vụ án này, đối với anh Bùi Văn V, anh Lê Đình D, anh Phạm Bá Th do không biết tài sản các bị cáo bán là tài sản trộm cắp mà có. Vì vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhưng tại phiên tòa hôm nay cũng cần nhắc nhở các anh rút kinh nghiệm về việc mua bán tài sản không rõ ràng về nguồn gốc.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của người bị hại bị chiếm đã được thu hồi và trả lại nên miễn xét, về số tiền anh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mua hai con Dê của các bị cáo, tại phiên tòa anh đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền là 3.700.000đ, anh V đề nghị các bị cáo bồi thường 150.000đ nên chấp nhận. Anh Th đề nghị anh D bồi thường số tiền 2.850.000đ, xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[9]Về vật chứng trong vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu Kaiser Wave, màu xanh, biển kiểm soát 36L2 - 6243 là tài sản của bà Tiếp (Mẹ bị cáo Đ) bị cáo Đ mượn xe máy bảo đi chơi, bà không biết là dùng xe máy để đi trộm cắp tài sản nên trả lại cho bà Tiếp.

[10]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn B, Cao Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn B 42 (Bốn mươi hai tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/05/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn Đ 18 (Mười tám tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/05/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585; 589 - Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D, Bùi Văn V. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Lê Đình D 3.700.000đ, chia phần bị cáo B phải bồi thường 1.950.000đ, bị cáo Đ phải bồi thường cho anh D 1.750. 000đ và anh Phạm Văn V 150.000đ tiền. Anh D phải bồi thường cho anh Th số tiền 2.850.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh D, anh V, anh Th có đơn đề nghị thi hành án. Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu các bị cáo không thi hành số tiền trả cho anh D, anh V, anh D không thi hành số tiền trả cho anh Th thì các bị cáo phải phải trả lãi đối với số tiền chậm trả cho anh D. Anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả cho anh Th, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch sung công quỹ nhà nước 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Sitar không có biển kiểm soát. Số máy GV013296, số khung MA11B4X013296. Theo B bản giao nhận vật chứng ngày 14/08/2018 của Chi cục THA dân sự huyện C.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300. 000đ án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát Cẩm thủy;
- Viện kiểm sát nhân tỉnh Thanh hóa
- Công an Huyện C;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Quỳnh

Văn Văn Nga

Đặng Thái Dìn

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- V kiểm sát Cẩm thủy;
- V kiểm sát nhân tỉnh Thanh hóa
- Công an Huyện C;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tính

Vũ Văn Nga

Phạm Văn Tấn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Nga

Nơi nhận:

- Bị cáo;
 - Người bị hại;
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
 - V kiểm sát Cẩm thủy;
 - V kiểm sát nhân tỉnh Thanh hóa
 - Công an Huyện C;
 - TAND tỉnh Thanh hóa;
 - Chi cục THADS huyện C;
 - UBND xã nơi bị cáo cư trú;
 - Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ.